

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh năm 2024
cho các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách,
chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (đợt 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết bổ sung có mục tiêu ngân sách
tỉnh năm 2024 cho các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách,
chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (đợt 4); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh năm 2024 cho các huyện,
thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình mục tiêu,
nhiệm vụ (đợt 4), với tổng số kinh phí là 105.493,941 triệu đồng (một trăm
linh năm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn
đồng), bao gồm:**

**1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên
dùng cấp II toàn tỉnh, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, thông suốt, kết
nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã”, số tiền: 2.730 triệu đồng.**

Nguồn kinh phí: Kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ
thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển các dịch vụ đô thị thông
minh tỉnh Ninh Bình đã được bố trí tại dự toán ngân sách cấp tỉnh theo

Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, số tiền: 5.619,941 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Kinh phí cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2024.

3. Kinh phí hỗ trợ các đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình, số tiền: 180 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo của tỉnh đã bố trí tại dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

4. Kinh phí phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, số tiền: 10.860 triệu đồng.

a) Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho lao động nông thôn: 1.810 triệu đồng.

b) Kinh phí để duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (ưu tiên các xã thuộc các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024-2025; ưu tiên các tiêu chí về không gian cảnh quan, môi trường, thiết chế văn hóa cơ sở): 9.050 triệu đồng.

Nguyên tắc phân bổ: Huyện Yên Mô đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024, hỗ trợ bình quân 200 triệu đồng/xã; Huyện Gia Viễn đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025, hỗ trợ bình quân 100 triệu đồng/xã; Đối với các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Yên Khánh, Hoa Lư: hỗ trợ bình quân 50 triệu đồng/xã.

Mức phân bổ để xác định tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện (không phải là mức ngân sách huyện phân bổ cho các xã). Căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và các xã đảm bảo đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.

Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã bố trí tại dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

5. Kinh phí mua sắm trang thiết bị giáo dục năm 2024 cho các huyện, thành phố, số tiền: 81.900 triệu đồng.

a) Nguyên tắc phân bổ

Đối với 446 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề trên địa bàn tỉnh: Phân bổ theo định mức 150 triệu đồng/đơn vị. Tổng kinh phí phân bổ là: 66.900 triệu đồng.

Riêng đối với 03 đơn vị: Trường Mầm non Bích Đào; trường Mầm non Ninh Nhất và Trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở Nam Thành là: 15.000 triệu đồng.

b) Mức phân bổ nêu trên để xác định tổng kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung cho các huyện, thành phố để mua sắm trang thiết bị giáo dục năm 2024 (không phải là mức phân bổ của ngân sách huyện, thành phố cho các đơn vị).

Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.

Nguồn kinh phí: Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề chưa phân bổ đã bố trí tại dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

6. Kinh phí thực hiện các dự án hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn xã Yên Thái và xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, số tiền: 4.204 triệu đồng. Trong đó hỗ trợ xã Yên Thái: 2.574 triệu đồng, hỗ trợ xã Khánh Thịnh: 1.630 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bố trí tại dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

(Chi tiết kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Đài PT&TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH**Mai Văn Tuất**

**KINH PHÍ BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2024
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ (ĐỢT 4)**

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Huyện Nho Quan	Huyện Gia Viễn	Huyện Hoa Lư	Huyện Yên Khánh	Huyện Yên Mô	Huyện Kim Sơn	Thành phố Tam Điệp	Thành phố Ninh Bình	Ghi chú
	Tổng cộng	105.493,941	14.386,000	13.711,827	6.306,570	12.673,658	16.971,223	14.431,143	4.700,057	22.313,463	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II toàn tỉnh, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã”	2.730	486	391	232	359	327	454	201	280	
2	Kinh phí chi trả cho các đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ	5.619,941		1.580,827	144,570	1.264,658	720,223	547,143	399,057	963,463	Chi tiết theo Biểu số 02
3	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	180			180						Chi tiết theo Biểu số 03
4	Kinh phí phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	10.860	1.450	2.140	500	1.600	3.620	1.430	50	70	Chi tiết theo Biểu số 04
5	Kinh phí mua sắm trang thiết bị giáo dục cho các huyện, thành phố năm 2024	81.900	12.450	9.600	5.250	9.450	8.100	12.000	4.050	21.000	
6	Kinh phí thực hiện các dự án hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn xã Yên Thái và xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô	4.204					4.204				

**KINH PHÍ CHI TRẢ TRỢ CẤP CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh chuyên môn đảm nhiệm trước khi tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Kinh phí trợ cấp để thực hiện tình giản biên chế
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng				5.619.941
I	Huyện Gia Viễn				1.580.827
1	Đình Thị Hương	20/12/1970	Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Gia Thịnh A	01/07/2024	275.198
2	Đình Thị Cúc	24/01/1970	Giáo viên trường Tiểu học Gia Sinh	01/09/2024	185.252
3	Phạm Thị Đào	12/07/1971	Giáo viên trường Tiểu học Gia Hưng	01/09/2024	267.535
4	Nguyễn Thị Miêng	12/12/1969	Giáo viên trường Tiểu học Gia Hưng	01/07/2024	191.881
5	Nguyễn Thị Liên	22/06/1971	Giáo viên trường Tiểu học Gia Thắng	01/09/2024	262.368
6	Đặng Thị Miện	02/09/1969	Giáo viên trường Tiểu học Gia Tân	01/09/2024	161.921
7	Nguyễn Thị Ngai	29/10/1970	Giáo viên trường Tiểu học Liên Sơn	01/09/2024	236.672
II	Huyện Hoa Lư				144.570
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04/07/1969	Kế toán trường THCS Ninh Thắng	01/08/2024	144.570
III	Huyện Yên Khánh				1.264.658
1	Nguyễn Thị Thoa	15/10/1969	Viên chức thư viện trường Tiểu học Khánh Phú	01/7/2024	152.245
2	Nguyễn Thị Thúy	09/05/1971	Giáo viên trường Tiểu học Khánh Nhạc A	01/9/2024	274.758
3	Phạm Thị Mây	14/03/1971	Giáo viên trường Tiểu học Khánh Nhạc A	01/9/2024	259.305
4	Dương Thị Trịnh	20/02/1970	Giáo viên trường Tiểu học Khánh Vân	01/7/2024	199.513
5	Lê Thị Kim Thanh	12/08/1971	Giáo viên trường Tiểu học Khánh Hội	01/9/2024	248.006
6	Bùi Ngọc Su	25/12/1965	Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND xã Khánh Cường	01/9/2024	130.831
IV	Huyện Yên Mô				720.223
1	Nguyễn Thị Chuyên	20/10/1970	Giáo viên trường Mầm non Yên Mạc	01/08/2024	219.057
2	Đặng Văn Lượng	30/11/1965	Giáo viên trường THCS Khánh Dương	01/09/2024	206.075
3	Mai Thị Tâm	14/08/1969	Kế toán trường THCS Yên Phong	01/08/2024	154.244
4	Lê Thị Nghĩa	22/12/1969	Kế toán trường THCS Yên Mỹ	01/09/2024	140.847

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh chuyên môn đảm nhiệm trước khi tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Kinh phí trợ cấp để thực hiện tinh giản biên chế
1	2	3	4	5	6
V	Huyện Kim Sơn				547.143
1	Vũ Thị Thanh Nhật	12/09/1969	Kế toán trưởng Tiểu học Quang Thiện	01/09/2024	100.405
2	Bùi Thị Kim Liên	18/10/1969	Giáo viên trường Tiểu học Tân Thành	01/09/2024	207.018
3	Trần Văn Vương	16/06/1967	Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Kim Mỹ	01/08/2024	128.133
4	Nguyễn Thị Mai	13/12/1987	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Văn Hải	01/07/2024	111.587
VI	Thành phố Tam Điệp				399.057
1	Hoàng Thị Liên	17/06/1969	Giáo viên trường THCS Tân Bình	01/07/2024	184.180
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	24/01/1970	Giáo viên trường THCS Tân Bình	01/07/2024	214.877
VII	Thành phố Ninh Bình				963.463
1	Đinh Thị Thoa	08/06/1969	Giáo viên trường THCS Lý Tự Trọng	01/07/2024	166.397
2	Tổng Thị Thanh Thúy	24/07/1971	Giáo viên trường Tiểu học Ninh Khánh	01/08/2024	245.605
3	Phạm Thị Xuyên	17/11/1970	Giáo viên trường THCS Trương Hán Siêu	01/09/2024	182.115
4	Phạm Thanh Hằng	15/10/1969	Giáo viên trường Tiểu học Lê Hồng Phong	01/07/2024	193.277
5	Dương Thị Nga	06/09/1970	Giáo viên trường Mầm non Ninh Phúc	01/07/2024	176.069

**KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 25/2019/NQ-HĐND NGÀY 12 THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Loại hình đào tạo, bồi dưỡng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Năm cử đi học	Năm tốt nghiệp	Tổng cộng	Bao gồm	
								Kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước	Kinh phí hỗ trợ cán bộ nữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Huyện Hoa Lư						180.000	150.000	30.000
1	Nguyễn Ngọc Hải	Chủ tịch UBND xã Ninh Vân	Thạc sỹ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021	2024	30.000	30.000	
2	Đào Sỹ Hải Sơn	Trưởng Ban Tổ chức huyện ủy	Thạc sỹ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021	2024	30.000	30.000	
3	Giang Hồng Đức	Chánh Thanh tra huyện	Thạc sỹ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021	2024	30.000	30.000	
4	Nguyễn Hồng Hạnh	Phó trưởng Ban Dân vận huyện ủy	Thạc sỹ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021	2024	30.000	30.000	
5	Phạm Văn Hoàn	Trưởng phòng LĐ-TBXH huyện	Thạc sỹ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021	2024	30.000	30.000	
6	Vũ Thị Phương Thu	Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã Ninh Giang	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
7	Nguyễn Thị Vui	Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã Ninh Khang	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
8	Đình Thị Hường	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã Ninh Khang	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
9	Phạm Thị Hằng	Công chức Văn phòng HĐND-UBND xã Ninh Mỹ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Loại hình đào tạo, bồi dưỡng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Năm cử đi học	Năm tốt nghiệp	Tổng cộng	Bao gồm	
								Kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước	Kinh phí hỗ trợ cán bộ nữ
10	Lê Thị Thu Hiền	Công chức Kế toán UBND xã Ninh Thắng	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
11	Đàm Thu Hòa	Công chức LĐ-TBXH UBND xã Ninh Vân	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
12	Phạm Thị Thanh	Công chức Văn hóa - Xã hội UBND xã Ninh Vân	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
13	Nguyễn Thị Lan	Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã Ninh Thắng	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
14	Hoàng Thị Xuân	Công chức Văn phòng HĐND&UBND Ninh Hải	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
15	Phạm Thị Bích Ngọc	Công chức Văn hóa - Xã hội VP HĐND&UBND xã Ninh Hải	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
16	Tạ Thị Minh Hồng	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
17	Lê Thị Kim Dung	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
18	Lê Thị Hải Yến	Chuyên viên Phòng LĐ- TBXH huyện	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
19	Vũ Thị Thanh Tuyết	Chuyên viên Phòng NN&PTNT huyện	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000
20	Nguyễn Thị Vóc	Chuyên viên Hội Nông dân	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	2022	2024	2.000		2.000

KINH PHÍ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024
ĐỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Tổng kinh phí	Huyện Nho Quan	Huyện Gia Viễn	Huyện Hoa Lư	Huyện Yên Khánh	Huyện Yên Mô	Huyện Kim Sơn	Thành phố Tam Điệp	Thành phố Ninh Bình
1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho lao động nông thôn	1.810	150	140		700	420	280	50	70
2	Hỗ trợ duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (ưu tiên các xã thuộc các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024-2025; ưu tiên các tiêu chí về không gian cảnh quan, môi trường, thiết chế văn hóa cơ sở...)	9.050	1.300	2.000	500	900	3.200	1.150		
Tổng cộng		10.860	1.450	2.140	500	1.600	3.620	1.430	50	70